

Bản án số: 376 /2022/DS-ST
Ngày 06-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.
2. Ông Danh Cư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 và ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 172/2022/QĐST-DS ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông N Đ B, sinh năm 1953; Địa chỉ HKTT: X TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y; Địa chỉ liên lạc: C PTH, Phường B, Quận T, Thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N C H, sinh năm 1962; Địa chỉ: C PTH, Phường B, Quận T, Thành phố Y; Là người đại diện theo ủy quyền của Ông N Đ B (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000248 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH TM- XD VHP; Trụ sở: Z TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N V M, sinh năm 1962 - Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: N TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y; Là Người đại diện

theo pháp luật của Công ty TNHH TM- XD VHP.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông N V M, sinh năm 1962; Địa chỉ: N TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 01 năm 2020 và đơn khởi kiện về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 26/01/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông N Đ B có Ông N C H là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 01/10/2013, Công ty TNHH TM – XD VHP, mã số doanh nghiệp 0304957739, trụ sở tại N TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y do Ông N V M là người đại diện theo pháp luật của công ty đã lập Giấy xác nhận nợ thừa nhận Công ty TNHH TM – XD VHP có nợ của Ông N Đ B số tiền 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng) và thừa nhận số tiền vay trên đã quá hạn nhưng chưa thanh toán cả vốn lẫn lãi. Theo Giấy xác nhận nợ ngày 01/10/2013 do Ông N V M – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM – XD VHP ký tên ghi rõ họ tên và đóng dấu công ty xác nhận. Giấy xác nhận nợ có nội dung: “Nay, tôi làm giấy xác nhận nợ này với Ông B và xin hứa sẽ trả số tiền này ngay cho Ông B khi bắt đầu tái khởi công công trình chung cư VHP. Quá ngày khởi công mà tôi không trả đủ tiền cho Ông B thì Ông B sẽ kiện ra Tòa mà tôi không có quyền khiếu nại”. Giấy xác nhận nợ không ghi ngày khởi công công trình chung cư VHP là ngày nào như vậy thể hiện là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn phục vụ cho công trình chung cư VHP tại địa chỉ 339 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH TM – XD VHP là chủ đầu tư, và thực tế đến nay đã hơn 07 năm Công ty không hề hoạt động và cũng không thấy công trình chung cư VHP tái khởi công. Ông N V M – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM – XD VHP đã thừa nhận công ty vay số tiền trên đã quá hạn nhưng chưa thanh toán và hai bên có thỏa thuận miệng trả tiền lãi vay trên số tiền vay gốc là 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng) vào ngày 01/10/2013 với lãi suất thỏa thuận theo quy định của nhà nước; Nhưng kể từ ngày 02/10/2013 đến nay thì công ty không trả cho Ông B tiền vốn và lãi. Nay Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH TM – XD VHP ngoài việc có nghĩa vụ trả tiền gốc vay và tiền lãi vay trên nợ gốc theo luật định, nếu quá hạn thì công ty này còn có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn và tiền lãi trên nợ lãi vay đối với số tiền lãi chậm trả (nếu có) tương ứng với thời gian chậm trả theo luật định. Tại Tòa, nguyên đơn trình bày, tại đây ngày 01/10/2013 Ông M tự ghi trong giấy xác nhận nợ lại “Khất nợ lần nữa” với nội dung “Nay, tôi làm giấy xác nhận nợ này với Ông B và xin hứa sẽ trả số tiền này ngay cho Ông B khi bắt đầu tái khởi công công trình chung cư VHP” nhưng Ông B không đồng ý với lời hứa hẹn khất nợ lần nữa này của Ông M. Mặc dù đã quá hạn tại đây Ông B đã gia hạn thông báo chính thức báo trước cho Ông M là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM – XD VHP về thời hạn gia hạn công ty này phải trả toàn bộ số nợ gốc và các khoản tiền lãi vay theo thỏa thuận căn cứ giấy xác nhận nợ trong thời hạn từ ngày 02/10/2013 đến 02/01/2014 phải trả đủ một lần cho Ông N Đ B (cùng với sự có mặt của các

người bạn của Ông B và Ông N C H nhưng ông H chỉ nộp bản lời khai của người làm chứng của ông V V T và ông P V H). Đây là trường hợp vay có lãi, có thời hạn nhưng đã quá hạn kể từ ngày 01/10/2013 (kể cả thời gian Ông B đã báo trước cho Ông M gia hạn thêm 03 tháng từ ngày 02/10/2013 đến ngày 02/01/2014 với một thời gian hợp lý như vậy để công ty sắp xếp trả nợ cho Ông B nhưng đến nay công ty vẫn không trả tiền vốn và tiền lãi thì bên Công ty TNHH TM – XD VHP có nghĩa vụ phải trả đủ tiền và phải trả lãi theo Điều 357; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) mặc dù Ông B cùng các người bạn là ông Võ Văn Tuấn, ông P V H và Ông N C H tới đòi nhiều lần.

Tại Tòa, Ông B khẳng định đây là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn nhưng đã quá hạn kể từ ngày 01/10/2013 nhưng chưa thanh toán cả vốn lẫn lãi. Do đó Công ty TNHH TM – XD VHP phải có trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nay Ông N Đ B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH TM - XD VHP phải thanh toán số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 46.428.305.661 đồng (Bốn mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ năm ngàn sáu trăm sáu mươi một đồng) cụ thể như sau:

1/ Buộc Công ty TNHH TM - XD VHP phải thanh toán số tiền nợ vốn gốc là 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng);

2/ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (theo thỏa thuận) từ ngày 02/10/2013 đến ngày 02/01/2014 lãi suất là 13,5%/năm (1,13%/tháng) là 03 tháng theo Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 là $12.501.815.000 \times 1,13\% \times 3 \text{ tháng} = 423.811.529$ đồng;

3/ Tiền lãi phát sinh trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (theo thỏa thuận) và tiền lãi phát sinh trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định: $423.811.529 \times 0,83\% \times 108 \text{ tháng} = 372.869.393$ đồng.

4/ Tiền lãi phát sinh trên nợ gốc quá hạn (từ ngày 01/10/2013 có thừa nhận và xác nhận của bị đơn và tính luôn cả thời gian gia hạn đã báo trước ba tháng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/01/2014 theo thỏa thuận nhưng chưa trả bằng 150% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 30%/năm (tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 02/10/2013 đến ngày hôm nay 06/9/2022 (9 năm = 108 tháng – 02 tháng là 106 tháng căn cứ vào Điều 357 và điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015) là $12.501.815.000 \times 2,5\% \times 106 \text{ tháng} = 33.129.809.750$ đồng .

Tại các buổi hòa giải và lời trình bày của nguyên đơn có sự thay đổi thì chỉ thay đổi về yêu cầu tính lãi. Nay Ông N Đ B yêu cầu Tòa án giải quyết như trên.

Yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thanh toán cho Ông N Đ B tổng số tiền nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH TM – XD VHP đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập họp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông N V M đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập họp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc thu hồi vốn buộc Công ty TNHH TM - XD VHP có nghĩa vụ thanh toán cho Ông N Đ B số tiền 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng); Không chấp nhận yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bị đơn có trụ sở tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn Công ty TNHH TM - XD VHP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông N V M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Giấy xác nhận nợ lập ngày 01/10/2013 giữa Ông N Đ B và Công ty TNHH TM - XD VHP do Ông N V M là người đại diện theo pháp luật (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty TNHH Hai Thành viên trở lên; Mã số doanh nghiệp: 0304957739; Đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 23/09/2015). Với nội dung thỏa thuận chính sau: Tổng nợ tính đến thời điểm 01/10/2013 Công ty TNHH TM - XD VHP nợ của Ông N Đ B số tiền là 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng). Công ty TNHH TM - XD VHP hứa sẽ trả số tiền này ngay cho Ông B khi bắt đầu tái khởi công công trình chung cư VHP. Quá ngày khởi công mà không trả đủ tiền trả cho Ông B thì Ông B sẽ kiện ra tòa. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản

hồi; Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật.

[4] Xét Vi bằng số 637/2022/VB-TPLQ8 lập tại địa chỉ số N TTV, Phường M, Quận T, Thành phố Y ngày 28/02/2022; Do Văn phòng thừa phát lại Quận 8 tiến hành.

[4.1] Nội dung chính của Vi bằng: Văn phòng Thừa phát lại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lập vi bằng: Ghi nhận sự kiện, hành vi dán thông báo Giấy xác nhận nợ ngày 01/10/2013 và Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 28/02/2022; Tại địa chỉ 312-314 Tunnel thiện Vương, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.2] Xét thẩm quyền, phạm vi, thủ tục, hình thức, nội dung lập Vi bằng số 637/2022/VB-TPLQ8 lập 28/02/2022 của Văn phòng Thừa phát lại Quận 8 là phù hợp; Theo quy định tại Điều 6, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.3] Xét thời gian thông báo thu hồi nợ trước hạn của Ông N Đ B đối với Công ty TNHH TM - XD VHP từ ngày 28/02/2022 cho đến nay; Được xem là thời gian hợp lý. Như vậy Ông N Đ B đã thực hiện việc thông báo thu hồi nợ trước thời hạn đối với Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Vạn Hưng Phát; Là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Xét kỳ hạn cho vay:

Tại Giấy xác nhận nợ lập ngày 01/10/2013 có nội dung: “...sẽ trả số tiền 12.501.815.000 đồng ngay cho Ông B khi bắt đầu tái khởi công công trình chung cư VHP...”. Tuy nhiên tại Giấy xác nhận nợ lập ngày 01/10/2013 không xác định rõ ngày, tháng, năm cụ thể công trình sẽ tái khởi công công trình, do đó không có cơ sở để xác định kỳ hạn cho vay.

Mặt khác, Kể từ ngày ký Giấy xác nhận nợ lập ngày 01/10/2013 cho đến nay phía Công ty TNHH TM - XD VHP không tái khởi công xây dựng dự án Chung cư Vạn Hưng Phát.

[5] Xét việc nguyên đơn cho rằng giữa Ông N Đ B và Công ty TNHH TM - XD VHP có thỏa thuận về lãi suất cho vay, bằng miệng và việc Ông B đã gia hạn thông báo chính thức báo trước cho Công ty TNHH TM – XD VHP về thời hạn gia hạn công ty này phải trả toàn bộ số nợ gốc và các khoản tiền lãi vay theo thỏa thuận căn cứ giấy xác nhận nợ trong thời hạn từ ngày 02/10/2013 đến 02/01/2014 phải trả đủ một lần cho Ông N Đ B; Nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc các bên có thỏa thuận trên; Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp,*

giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."

[7] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa nên có đủ cơ sở xác định: Giao dịch giữa Ông N Đ B và Công ty TNHH TM - XD VHP là vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

[7.1] Xét đối yêu cầu của Ông N Đ B buộc Công ty TNHH TM - XD VHP trả số tiền 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng); Là có cơ sở chấp nhận.

[7.2] Đối với yêu cầu của Ông N Đ B buộc Công ty TNHH TM - XD VHP thanh toán tiền lãi là 33.926.490.672 đồng (Ba mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng); Là không có cơ sở chấp nhận. Cụ thể:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (theo thỏa thuận) từ ngày 02/10/2013 đến ngày 02/01/2014 lãi suất là 13,5%/năm (1,13%/tháng) là 03 tháng theo Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 là $12.501.815.000 \times 1,13\% \times 3 \text{ tháng} = 423.811.529 \text{ đồng}$;

Tiền lãi phát sinh trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (theo thỏa thuận) và tiền lãi phát sinh trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định: $423.811.529 \times 0,83\% \times 108 \text{ tháng} = 372.869.393 \text{ đồng}$.

Tiền lãi phát sinh trên nợ gốc quá hạn (từ ngày 01/10/2013 có thừa nhận và xác nhận của bị đơn và tính luôn cả thời gian gia hạn đã báo trước ba tháng từ ngày 02/10/2013 đến ngày 01/01/2014 theo thỏa thuận nhưng chưa trả bằng 150% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 30%/năm (tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 02/10/2013 đến ngày hôm nay 06/9/2022 (9 năm = 108 tháng – 02 tháng là 106 tháng căn cứ vào Điều 357 và điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015) là $12.501.815.000 \times 2,5\% \times 106 \text{ tháng} = 33.129.809.750 \text{ đồng}$.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thoả thuận khác...*”

[8] Công ty TNHH TM – XD VHP phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ông N Đ B. Đối với phần yêu cầu của Ông N Đ B không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên Ông N Đ B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí; Ông N Đ B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 18/TB-TA ngày 10/02/2020; Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Nghị định 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH TM - XD VHP có nghĩa vụ thanh toán cho Ông N Đ B số tiền 12.501.815.000 đồng (Mười hai tỷ năm trăm lẻ một triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Ông N Đ B về việc yêu cầu Công ty TNHH TM - XD VHP trả tiền lãi tổng số tiền là 33.926.490.672 đồng (Ba mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty TNHH TM - XD VHP phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 120.501.815 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm lẻ một ngàn tám trăm mười lăm đồng).

Án phí đối với phần không chấp nhận yêu cầu của Ông N Đ B là: 141.926.491 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi một đồng) Ông N Đ B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên

